

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48 /2025/HNGĐ - ST

Ngày: 20/6/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp

Về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Tiếp

2. Ông Lê Cát Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/QĐ-TA ngày 18/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Bích N, sinh năm 2002.

Địa chỉ: SN A L phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà A Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 2001.

Địa chỉ: SN A L phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà A P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị N, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại Bản tự khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ chị Đào Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau năm 2021 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi, nhưng đến ngày 19/01/2022 chị N và anh Đ mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình phân tích khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung cháu Lương Văn K, sinh ngày 02/7/2022, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu K, về phần cấp dưỡng nuôi con trong đơn khởi kiện và Bản tự khai chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, ngày 17/6/2025 chị có đơn tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại bản tự khai bị đơn anh Lương Văn Đ trình bày:*** Về thời gian và điều kiện kết hôn anh cũng đồng ý như chị Đào Bích N trình bày, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, gia đình hai bên nội ngoại đã phân tích cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Nay chị N làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị N đang còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh cũng thống nhất vợ chồng có 01 con chung cháu Lương Văn K, sinh ngày 02/7/2022, ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu K, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh tại phố B, phường Đ, thành phố T cho thấy: Chị Đào Bích N và anh Lương Ngọc Đ1 là công dân sinh sống tại số nhà A P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, quá trình sinh sống, anh Đ1 và chị N mâu thuẫn như thế nào anh chị không báo cáo với chính quyền địa phương, chị N đi nơi khác ở từ tháng 7/2024 đến nay; anh chị có 01 cháu trai Lương Đăng K1, sinh năm 2022, về tài sản công nợ địa phương không biết anh chị có những tài sản công nợ gì. Nay chị N làm đơn ly

hôn anh Đ1, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của vợ chồng và các quy định Pháp luật để giải quyết .

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lương Ngọc Đ1 và được nuôi con khi ly hôn.

Bị đơn anh Lương Ngọc Đ1 được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn chị Đào Bích N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đào Bích N và anh Lương Ngọc Đ1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

{2} Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lương Ngọc Đ1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và nộp cho Tòa bản tự khai ngày 25/4/2025 trình bày ý kiến của mình về việc chị Đào Bích N có đơn khởi kiện ly hôn anh. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Đ1 nhưng anh vắng mặt không chấp hành theo thông báo của Tòa án. Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đ1 vắng mặt lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

{2} Về hôn nhân: Chị Đào Bích N và anh Lương Ngọc Đ1 kết hôn với nhau năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai người không hợp, không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết trong Bản tự khai anh Đ1 có trình bày ý kiến cũng thừa nhận quá trình vợ chồng

chung sống hạnh phúc chỉ được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ1 xét thấy tình cảm vợ chồng còn khả năng hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ sau ngày Tòa án thụ lý vụ án anh Đ1 có ý kiến nộp cho Tòa án, anh Đ1 không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ phiên hòa giải lần 2, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Đ1 vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy nguyện vọng xin đoàn tụ của anh Đ1 là không chính đáng. Mặt khác từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay anh Đ1 và chị N cũng không quan tâm trách nhiệm đến nhau. Xét mâu thuẫn của anh chị trầm trọng, việc xin đoàn tụ của anh Đ1 là không có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Bích N.

{4} Về con chung: Chị N và anh Đ1 có 01 con chung cháu Lương Đăng K1, sinh ngày 02/7/2022, quá trình giải quyết vụ án anh Đ1 và chị N đều có nguyện vọng nuôi cháu K1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng nuôi con của chị N và anh Đ1 là hoàn toàn chính đáng. Xét việc giao cháu Lương Đăng K1 cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của cháu, mặt khác cháu K1 đang dưới 36 tháng tuổi, do đó việc giao cháu Lương Đăng K1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung.

{3} Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{4} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều khoản 1 Điều 207, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: cho chị Đào Bích N được ly hôn anh Lương Ngọc Đ1.

Về con chung: Công nhận cháu Lương Đăng K1, sinh ngày 02/7/2022 là con chung của chị N và anh Đ1. Giao cháu Lương Đăng K1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị N và anh Đ1 không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo Biên lai số 0006741 ngày 26/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ)

Chị N, anh Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND TPTH;
 - THA DS TP.Thanh Hoá;
 - UBND P. Đông Sơn, TPTH.
- Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa

